

BẢNG ĐIỂM THI TỔNG CỤC 08.09.11.2025

STT	HỌ	TÊN	SBD	NĂM SINH	SỐ ID	CẮT DA	ĐIỂM CỘNG CUỐI KHÓA	SON FRENCH TRÊN BÀN TAY GIẢ	ĐIỂM CỘNG CUỐI KHÓA	SON GEL	ĐIỂM CỘNG E- MANICURE	ĐÁP BỐT DESIGN	ĐIỂM CỘNG CUỐI KHÓA	TỔNG ĐIỂM VẼ (VẼ GEL, NÓI, ĐINH ĐÁ, VMITH)	ĐIỂM CỘNG BÀI TẬP	TB TH	ĐIỂM CỘNG SWS	TỔNG THỰC HÀNH	LÝ THUYẾT	TỔNG CỘNG	XẾP LOẠI
1	Lý Kiều	Anh	001	02/05/1993	KP2331	8.6	+1	7.6	+1	8.2	+0	6.6	+1	38.5	+4	8.5	+0.5	9	9.9	9.3	Xuất sắc
2	Huỳnh Thị Thúy	Anh	002	06/02/2001	KP2773 HVF	7.7	+1	8.4	+0	8.7	+0	9	+1	41	+4	9	+0	9	9.6	9.2	Xuất sắc
3	Phan Ngọc	Ánh	003	25/01/2004	KP2371	7.5	+1	8	+1	7.8	+0	6.3	+1	36	+3	8.1	+0.5	8.6	9.4	8.9	Giỏi
4	Đỗ Thị Cẩm	Giang	004	01/09/2003	KP2630	8.3	+1	7.8	+1	7.7	+0	7.7	+1	37.5	+4	8.6	+0	8.6	9.5	8.9	Giỏi
5	Nguyễn Thị Thu	Hiền	005	24/09/1991	KP2691	7.8	+1	7.1	+1	7.3	+0	6.9	+1	35.5	+4	8	+0	8	10	8.7	Giỏi
6	Nguyễn Thanh	Hiền	006	10/01/1996	KP2657	7.5	+1	7.4	+1	8.2	+0	7.6	+1	40	+4	8.5	+0.5	9	10	9.3	Xuất sắc
7	Trương Thị Mỹ	Hoa	007	09/05/2004	KP2785 HVF	8.1	+0.5	8	+0	8.8	+0	7.9	+1	40	+3	8.6	+0	8.6	9.4	8.9	Giỏi
8	Trịnh Thị Hiếu	Hòa	008	23/09/1974	KP2564	8.1	+1	7.7	+1	7.3	+0	7.5	+1	38.5	+4	8.4	+0	8.4	10	8.9	Giỏi
9	Phạm Quang	Huy	009	13/11/1987	KP2632	8.5	+1	7.3	+1	7.5	+0	7.7	+1	38	+4	8.5	+0	8.5	9.4	8.8	Giỏi
10	Lê Diệp Yến	Linh	010	05/12/1996	KP2723	7.2	+1	6.9	+1	7.8	+0	7.5	+1	41.5	+4	8.3	+0.5	8.8	8	8.5	Giỏi
11	Châu Thị Thảo	Nguyễn	012	12/05/2002	KP2621	7.8	+1	7.6	+1	8.5	+0	7.5	+1	40	+4	8.6	+0	8.6	7.3	8.2	Giỏi
12	Đặng Thị Tuyết	Phân	014	09/12/2000	KP2683	7.8	+1	7.7	+1	8	+0	7.3	+1	39	+4	8.5	+0	8.5	9.5	8.8	Giỏi
13	Trương Huỳnh Tổ	Quyên	016	11/07/1988	KP2752 TS TỰ DO	7.6	+1	7.4	+0	8.7	+0	8	+1	38.5	+0	8.3	+0	8.3	9.9	8.8	Giỏi
14	Trần Văn	Tài	017	31/08/2001	KP2656	7.3	+1	7	+1	7	+0	8.4	+1	40.5	+3	8.3	+0	8.3	9.3	8.6	Giỏi
15	Thạch Ngọc	Thảo	019	29/05/1999	KP2629	8.2	+1	7.5	+1	6.8	+0	6.7	+1	34.5	+4	8	+0	8	9.9	8.6	Giỏi
16	Lê Thị	Thảo	020	01/06/1990	KP2658	7.8	+1	8.4	+1	8.2	+0	8.6	+1	39.5	+4	8.9	+0.5	9.4	9.3	9.4	Xuất sắc
17	Nguyễn Hoàng Huyền	Trần	022	27/04/1997	KP2722	8.1	+1	7.6	+1	8.5	+0	7.6	+1	37.5	+3	8.6	+0.5	9.1	8.5	8.9	Giỏi
18	Võ Thị Mỹ	Tú	023	12/06/1997	KP2681	7.9	+1	7.5	+1	9.2	+0.5	7.8	+1	42.5	+4	9	+0	9	8.8	8.9	Giỏi
19	Tô Mộng	Vi	024	05/07/2006	KP2530	8.1	+1	7.2	+1	7.8	+0	6.7	+1	34.5	+2.5	8	+0	8	8.5	8.2	Giỏi
20	Huỳnh Vũ Thanh	Vy	025	20/08/1997	KP2535	7.9	+1	7.6	+1	9	+0	7.1	+1	39.5	+4	8.7	+0	8.7	7.7	8.4	Giỏi
21	Mai Thị	Yến	026	06/02/1994	KP2627	7.3	+1	7.2	+1	7.5	+0	7.6	+1	38	+4	8.2	+0	8.2	8	8.1	Giỏi